

BÁO CÁO

Thuyết minh kết quả Thông kê đất đai năm 2017

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thực hiện Công văn số 2114/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21/11/2017 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc Thông kê đất đai năm 2017;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tổ chức thực hiện công tác Thông kê đất đai trên phạm vi toàn tỉnh theo từng đơn vị cơ bản là cấp xã. Công tác thống kê đất đai đã được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu theo quy định, đến nay đã hoàn thành, kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tình hình tổ chức thực hiện

Thực hiện công tác thống kê đất đai định kỳ và thực hiện Công văn số 2114/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21/11/2017 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc Thông kê đất đai năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 6363/UBND-TM ngày 18/12/2017 để chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thống kê đất đai theo quy định.

Trên cơ sở đó Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Văn bản số 3761/STNMT-QLĐĐ ngày 26/12/2017 để chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Trị và Phòng Tài nguyên Môi trường các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác Thông kê đất đai năm 2017 theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công tác thống kê đất đai cấp xã;

2. Nguồn gốc số liệu, tài liệu và độ tin cậy

2.1. Về nguồn gốc số liệu

Nguồn số liệu được sử dụng là kết quả thống kê đất đai năm 2016 của tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra còn thu thập từ các tài liệu khác, như:

- Các hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai như giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai;

- Hồ sơ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện;
- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 đã được chỉnh sửa hoàn chỉnh theo Công văn số 1942/TCQLĐĐ-CKQLĐĐ ngày 28/12/2015 của Tổng cục Quản lý Đất đai về việc thẩm định kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 tỉnh Quảng Trị.

2.2. Về độ tin cậy

Nguồn tài liệu cơ bản được sử dụng để thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2017 là nguồn số liệu và tài liệu chính xác, có độ tin cậy cao. Tính chất của số liệu phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất.

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo việc kế thừa số liệu kiểm kê năm 2014, kết quả thống kê đất đai năm 2016 và cập nhật số liệu biến động năm 2017 để có số liệu thống kê đất đai năm 2017 chính xác.

3. Số liệu thống kê đất đai năm 2017

Số liệu thống kê đất đai năm 2017 của tỉnh Quảng Trị bao gồm:

- + Biểu 01/TKĐĐ - Thống kê diện tích đất đai.
- + Biểu 02/TKĐĐ - Thống kê diện tích đất nông nghiệp.
- + Biểu 03/TKĐĐ - Thống kê diện tích đất phi nông nghiệp.
- + Biểu 04/TKĐĐ - Thống kê diện tích đất theo từng đơn vị hành chính.
- + Biểu 05a/TKĐĐ - Thống kê diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện.
- + Biểu 10/TKĐĐ - Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích của các loại đất.
- + Biểu 11/TKĐĐ - Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất.
- + Biểu 12/TKĐĐ - Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất.
- + Biểu 13/TKĐĐ - So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2017

1. Hiện trạng sử dụng đất

Diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Trị là **473.744 ha**, được phân thành 3 loại đất chính như sau:

Đất nông nghiệp có diện tích lớn nhất với 388.020 ha, chiếm: 81,90%.

Đất phi nông nghiệp có diện tích nhỏ nhất với 40.908 ha, chiếm: 8,64%.

Đất chưa sử dụng có diện tích 44.816 ha, chiếm 9,46%.

Cơ cấu, diện tích theo đơn vị hành chính được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1 - Cơ cấu, diện tích đất theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh (%)
1	Thành phố Đông Hà	7.309	1,54
2	Thị xã Quảng Trị	7.282	1,54
3	Huyện Vĩnh Linh	61.916	13,07
4	Huyện Hướng Hoá	115.236	24,32
5	Huyện Gio Linh	47.068	9,94
6	Huyện Đakrông	122.467	25,85
7	Huyện Cam Lộ	34.421	7,27
8	Huyện Triệu Phong	35.336	7,46
9	Huyện Hải Lăng	42.480	8,96
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	230	0,05
Tổng		473.744	100

1.1. Đất nông nghiệp

Nhóm đất nông nghiệp có diện tích 388.020 ha, bao gồm các loại: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

Cơ cấu, diện tích đất nông nghiệp được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2 - Cơ cấu, diện tích đất nông nghiệp

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với diện tích đất nông nghiệp p (%)
1	Đất nông nghiệp	388.020	100
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	121.520	31,32
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	73.325	18,90
1.1.1.1	Đất trồng lúa	28.797	7,42
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	44.528	11,48
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	48.195	12,42
1.2	Đất lâm nghiệp	263.434	67,89
1.2.1	Đất rừng sản xuất	119.541	30,81
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	81.453	20,99
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	62.440	16,09
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.909	0,75
1.4	Đất làm muối	11	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	145	0,04

1.1.1. Đất sản xuất nông nghiệp p

Toàn tỉnh có 121.520 ha đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm: Đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm) chiếm 31,32% tổng diện tích đất nông nghiệp, chiếm 25,65% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh.

Đất sản xuất nông nghiệp phân bố lớn nhất ở huyện Hướng Hoá với diện tích 31.255 ha, huyện Vĩnh Linh 19.531 ha, huyện Đakrông 17.685 ha, huyện Gio Linh 17.126 ha.

- Đất trồng cây hàng năm có diện tích 73.325 ha chiếm 60,34% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, chiếm 18,90% diện tích đất nông nghiệp.

➤ Huyện Đakrông có diện tích đất trồng cây hàng năm lớn nhất là 15.407 ha, chiếm 21,01% diện tích đất trồng cây hàng năm của toàn tỉnh.

➤ Đất trồng cây hàng năm gồm có đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác.

+ Diện tích đất trồng lúa gồm 28.797 ha chiếm 39,27% diện tích đất trồng cây hàng năm, phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng chuyên về sản xuất nông nghiệp như: huyện Hải Lăng có 7.393 ha, huyện Triệu Phong có 6.080 ha, huyện Gio Linh có 5.535 ha, huyện Vĩnh Linh có 4.720 ha. Huyện đảo Cồn Cỏ không có đất trồng lúa.

➤ Đất trồng lúa bao gồm đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại và đất trồng lúa nương, trong đó chủ yếu là đất chuyên trồng lúa nước với diện tích 25.250 ha, chiếm 87,68% diện tích đất trồng lúa trong toàn tỉnh.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác gồm 44.528 ha chiếm 60,73% diện tích đất trồng cây hàng năm, phân bố chủ yếu ở huyện Đakrông với diện tích 14.661 ha, huyện Hướng Hóa 10.806 ha.

➤ Đất trồng cây hàng năm khác bao gồm đất bằng trồng cây hàng năm khác và đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác với diện tích tương đối đồng đều với nhau.

- Đất trồng cây lâu năm: có diện tích 48.195 ha chiếm 39,66% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Đất trồng cây lâu năm chiếm phần lớn ở huyện Hướng Hoá với diện tích 19.499 ha, chiếm 40,46% tổng diện tích đất trồng cây lâu năm của toàn tỉnh và huyện Vĩnh Linh với diện tích 10.689 ha, chiếm 22,18% tổng diện tích đất trồng cây lâu năm của toàn tỉnh. Diện tích còn lại tập trung ở huyện Gio Linh và huyện Cam Lộ. Huyện đảo Cồn Cỏ không có đất trồng cây lâu năm.

1.1.2. Đất lâm nghiệp

Toàn tỉnh có 263.434 ha đất lâm nghiệp, bao gồm: đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng diện tích đất nông nghiệp với 67,89%, chiếm 55,61% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đất lâm nghiệp phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi của các huyện Đakrông với 82.297 ha và huyện Hướng Hoá với 61.340 ha, diện tích còn lại tập trung ở huyện Vĩnh Linh, Hải Lăng và Gio Linh.

- Đất rừng sản xuất: có diện tích 119.541 ha, chiếm 45,38% diện tích đất lâm nghiệp, huyện Đakrông có diện tích lớn nhất với 24.699 ha, huyện Vĩnh Linh có 22.248 ha, huyện Hướng Hóa 16.123 ha, huyện Hải Lăng có 15.805 ha, huyện Cam Lộ 14.971 ha.

- Đất rừng phòng hộ: có diện tích 81.453 ha chiếm 30,92% diện tích đất lâm nghiệp. Đất rừng phòng hộ được phân bố chủ yếu ở huyện Hướng Hoá với 22.571 ha, huyện Đakrông với 17.907 ha, huyện Gio Linh với 12.989 ha và huyện Vĩnh Linh 11.159 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Có diện tích 62.440 ha chiếm 23,70% diện tích đất lâm nghiệp. Đất rừng đặc dụng chỉ phân bố trên địa bàn ba huyện:

+ Huyện Vĩnh Linh 103 ha tại rừng Rú Lịnh trên địa bàn 2 xã Vĩnh Hòa và Vĩnh Hiền;

+ Huyện Hướng Hoá 22.646 ha, là đất thuộc khu bảo tồn đa dạng sinh học vùng trung Trường Sơn được giao cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa quản lý, phân bố chủ yếu ở xã Hướng Lập và Hướng Sơn;

+ Huyện Đakrông 39.692 ha, phân bố ở địa bàn nhiều xã, diện tích này phần lớn đã được giao cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông quản lý.

1.1.3. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh là 2.909 ha chiếm tỷ lệ khá nhỏ với 0,75% diện tích đất nông nghiệp và 0,61% tổng diện tích tự nhiên.

Đất nuôi trồng thủy sản được phân bố tập trung chủ yếu ở 04 huyện: huyện Vĩnh Linh 768 ha (ở ven sông Hiền Lương xã Vĩnh Thành và Vĩnh Sơn) và ở các xã ven biển thuộc các huyện Triệu Phong 619 ha, huyện Hải Lăng 566 ha, huyện Gio Linh 563 ha được sử dụng chủ yếu vào mục đích nuôi tôm. Huyện đảo Côn Cỏ không có đất nuôi trồng thủy sản.

1.1.4. Đất làm muối

Đất làm muối có diện tích 11 ha, chiếm tỷ lệ không đáng kể trong diện tích tự nhiên toàn tỉnh cũng như trong diện tích đất nông nghiệp. Diện tích này do các hộ gia đình, cá nhân sử dụng tại địa bàn xã Triệu An - huyện Triệu Phong.

1.1.5. Đất nông nghiệp khác

Đất nông nghiệp khác có diện tích 145 ha, chiếm 0,04% so với diện tích đất nông nghiệp, được phân bố chủ yếu ở huyện Cam Lộ 60 ha, huyện Triệu Phong 35 ha và huyện Hải Lăng 32 ha. Huyện đảo Côn Cỏ, huyện Đakrông và thị xã Quảng Trị không có đất nông nghiệp khác.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Nhóm đất phi nông nghiệp có diện tích 40.908 ha, chiếm 8,64% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm: đất ở; đất chuyên dùng; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng và đất phi nông nghiệp khác.

Diện tích đất phi nông nghiệp được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3 - Cơ cấu, diện tích đất phi nông nghiệp

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với diện tích đất phi nông nghiệp (%)
1	Đất phi nông nghiệp	40.908	100
1.1	Đất ở	4.308	10,53
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	3.016	7,37
1.1.2	Đất ở tại đô thị	1.292	3,16
1.2	Đất chuyên dùng	18.083	44,20
1.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	148	0,36
1.2.2	Đất quốc phòng	1.342	3,28
1.2.3	Đất an ninh	271	0,66
1.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	983	2,40
1.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.311	3,20
1.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	14.027	34,29
1.3	Đất cơ sở tôn giáo	86	0,21
1.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	381	0,93
1.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	4.828	11,80
1.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	9.550	23,35
1.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	3.664	8,96
1.8	Đất phi nông nghiệp khác	8	0,02

1.2.1. Đất ở:

Diện tích đất ở toàn tỉnh là 4.308 ha, chiếm 0,09% so với tổng diện tích tự nhiên và chiếm 10,53% diện tích đất phi nông nghiệp toàn tỉnh. Đất ở bao gồm: đất ở nông thôn và đất ở đô thị.

- Đất ở nông thôn có diện tích là 3.016 ha, chiếm 70,01% diện tích đất ở toàn tỉnh. Đất ở tại nông thôn của huyện Hải Lăng là cao nhất với 666 ha, chiếm 22,08% đất ở nông thôn toàn tỉnh, huyện Triệu Phong có 512 ha, huyện Vĩnh Linh có 466 ha.

- Đất ở đô thị có diện tích 1.292 ha, chiếm 29,99% diện tích đất ở toàn tỉnh. Đất ở đô thị của thành phố Đông Hà là 665 ha, chiếm 51,47% diện tích đất ở tại đô thị của toàn tỉnh, thị xã Quảng Trị có 158 ha, huyện Vĩnh Linh có 127 ha và huyện Hướng Hóa có 119 ha.

1.2.2. Đất chuyên dùng

Đất chuyên dùng có diện tích 18.083 ha, chiếm 3,82% tổng diện tích đất tự nhiên, chiếm tỷ lệ lớn nhất trong diện tích đất phi nông nghiệp với 44,20%.

Đất chuyên dùng bao gồm: đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất quốc phòng; đất an ninh; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng. Tỷ lệ đất chuyên dùng phân bố khá đồng đều trên địa bàn các huyện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 148 ha, chiếm 0,82% đất chuyên dùng. Đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bố lớn nhất ở thành phố Đông Hà với diện tích 37 ha chiếm 25,00% diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan toàn tỉnh.

- Đất quốc phòng: Có diện tích 1.342 ha, chiếm 7,42% đất chuyên dùng. Diện tích đất quốc phòng ở huyện Cam Lộ là lớn nhất với diện tích là 590 ha chiếm 43,96% diện tích đất quốc phòng toàn tỉnh.

- Đất an ninh: Có diện tích 271 ha, chiếm 1,50% đất chuyên dùng. Tập trung chủ yếu tại huyện Cam Lộ với 222 ha, chiếm 81,92% diện tích đất an ninh toàn tỉnh do huyện Cam Lộ có trại cải tạo Hoàn Cát. Các huyện, thị xã, thành phố còn lại có diện tích đất an ninh phân bố khá đồng đều, chỉ tập trung nhiều hơn ở thành phố Đông Hà với 27 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Có diện tích 983 ha, chiếm 5,44% đất chuyên dùng. Đất xây dựng công trình sự nghiệp phân bố lớn nhất ở huyện Vĩnh Linh với diện tích 177 ha chiếm 18,01% đất xây dựng công trình sự nghiệp toàn tỉnh, tiếp đến là huyện Gio Linh với 153 ha, thành phố Đông Hà với 140 ha, huyện Hướng Hóa với 123 ha, huyện Triệu Phong 109 ha.

➤ Đất xây dựng công trình sự nghiệp, bao gồm: Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở ngoại giao và đất xây dựng công trình sự nghiệp khác.

➤ Chiếm diện tích chủ yếu trong nhóm đất xây dựng công trình sự nghiệp là đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo với 577 ha, chiếm 58,46% và đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao với 232 ha, chiếm 23,51% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

Đối với loại đất xây dựng cơ sở ngoại giao không có ở tỉnh Quảng Trị.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Có diện tích 1.311 ha, chiếm 7,25% đất chuyên dùng. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp phân bố lớn nhất ở huyện Vĩnh Linh với diện tích 278 ha chiếm 21,21% đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp toàn tỉnh, tiếp đến là huyện Cam Lộ với 211 ha, huyện Gio Linh 189 ha, thành phố Đông Hà 175 ha.

Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, bao gồm: đất khu công nghiệp; đất cụm công nghiệp; đất khu chế xuất; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản và đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Trong đó đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là

nhieu nhất với 363 ha, chiếm 27,69% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Địa bàn tỉnh Quảng Trị không có đất khu chế xuất.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Có diện tích 14.027 ha, chiếm phần lớn trong cơ cấu đất chuyên dùng với 77,57% và là nhóm đất có nhiều loại đất nhất với 11 loại. Chiếm chủ yếu trong nhóm đất sử dụng vào mục đích công cộng là đất giao thông 8.650 ha, chiếm 61,67% và đất thủy lợi 4.693 chiếm 33,46% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

1.2.3. Đất cơ sở tôn giáo

Đất cơ sở tôn giáo có diện tích 86 ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ, là 0,02% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 0,21% đất phi nông nghiệp.

Đất cơ sở tôn giáo tập trung chủ yếu ở huyện Hải Lăng (có Nhà thờ La Vang) và huyện Triệu Phong. Huyện Hải Lăng có 37 ha chiếm 43,02%, huyện Triệu Phong có 22 ha chiếm 25,51% diện tích đất cơ sở tôn giáo toàn tỉnh. Huyện Vĩnh Linh và huyện đảo Cồn Cỏ không có đất cơ sở tín ngưỡng.

1.2.4. Đất cơ sở tín ngưỡng

Đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích 381 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 0,93% đất phi nông nghiệp.

Đất cơ sở tín ngưỡng cũng tập trung chủ yếu ở huyện Hải Lăng và huyện Triệu Phong. Huyện Hải Lăng có 122 ha chiếm 32,02%, huyện Triệu Phong có 122 ha chiếm 32,02% diện tích đất cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Huyện Vĩnh Linh và huyện đảo Cồn Cỏ không có đất cơ sở tín ngưỡng.

1.2.5. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có diện tích 4.828 ha chiếm 1,02% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 11,80% diện tích đất phi nông nghiệp.

Sự phân bố của loại đất này cũng như loại đất cơ sở tôn giáo và cơ sở tín ngưỡng, chủ yếu tập trung ở huyện Hải Lăng: 1.035 ha chiếm 21,44% và huyện Triệu Phong: 1.003 ha chiếm 20,77%.

1.2.6. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích 9.550 ha, chiếm 2,02% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 23,34% diện tích đất phi nông nghiệp. Huyện Đakrông có diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối nhiều nhất với 1.880 ha, chiếm 19,69% diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối toàn tỉnh, tiếp đến là huyện Triệu Phong với 1.855 ha. Huyện đảo Cồn Cỏ không có diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

1.2.7. Đất có mặt nước chuyên dùng

Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích 3.664 ha, chiếm 0,77% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 8,96% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng phân bố tập trung trên địa bàn huyện Hướng Hóa với 1.020 ha chiếm 27,84% và huyện Vĩnh Linh với 901 ha chiếm 24,59%.

1.2.8. Đất phi nông nghiệp khác

Đất phi nông nghiệp khác có diện tích nhỏ nhất trên địa bàn tỉnh với 08 ha chiếm tỷ lệ không đáng kể tổng diện tích tự nhiên, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp. Tập trung chủ yếu ở huyện đảo Côn Cỏ với 4 ha, chiếm 50,00% diện tích đất phi nông nghiệp toàn tỉnh. Huyện Hướng Hóa và huyện Triệu Phong không có đất phi nông nghiệp khác.

1.3. Đất chưa sử dụng

Nhóm đất chưa sử dụng có diện tích 44.816 ha, chiếm 9,46% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm: đất bằng chưa sử dụng; đất đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây.

Cơ cấu, diện tích đất chưa sử dụng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4 - Cơ cấu, diện tích đất chưa sử dụng

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với diện tích đất chưa sử dụng (%)
1	Đất chưa sử dụng	44.816	100,00
1.1	Đất bằng chưa sử dụng	6.774	15,12
1.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	37.626	83,96
1.3	Núi đá không có rừng cây	416	0,93

1.3.1. Đất bằng chưa sử dụng

Diện tích đất bằng chưa sử dụng là 6.774 ha, chiếm 1,43% tổng diện tích tự nhiên, chiếm 15,12% diện tích đất chưa sử dụng.

Đất bằng chưa sử dụng chủ yếu nằm ở các xã đồng bằng, phân bố lớn nhất tại huyện Gio Linh với 2.040 ha chiếm 30,12%, tiếp đến là ở huyện Vĩnh Linh với 1.203 ha chiếm 17,76%, huyện Hải Lăng có 1.151 ha chiếm 16,99%, huyện Triệu Phong với 1.014 ha, chiếm 14,97% diện tích đất chưa sử dụng toàn tỉnh. Huyện Hướng Hoá không có đất bằng chưa sử dụng.

1.3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng

Đất bằng chưa sử dụng có diện tích 37.626 ha chiếm 7,94% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, chiếm diện tích lớn nhất trong nhóm đất chưa sử dụng với 83,96% diện tích đất chưa sử dụng. Đất đồi núi chưa sử dụng chủ yếu nằm ở các xã miền núi, phân bố chủ yếu tại huyện Đakrông với 18.542 ha, chiếm 49,28% và huyện Hướng Hóa với 17.739 ha, chiếm 47,15% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng toàn tỉnh. Thị xã Quảng Trị và huyện đảo Côn Cỏ không có đất đồi núi chưa sử dụng.

1.3.3. Núi đá không có rừng cây

Núi đá không có rừng cây có diện tích 416 ha chiếm 0,09% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh, chiếm 0,93% đất chưa sử dụng.

Diện tích núi đá không có rừng cây được phân bố ở 02 huyện Đakrông và Cam Lộ, trong đó huyện Đakrông có 316 ha chiếm 75,96%, huyện Cam Lộ có 100 ha chiếm 24,04%.

2. Tình hình biến động đất đai

Tình hình biến động của các nhóm đất chính trong năm 2017, được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5 - Tình hình biến động của các nhóm đất

S T T	Mục đích sử dụng	Năm 2017		Năm 2016		So sánh diện tích tăng, giảm (+, -)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1	Đất nông nghiệp	388.020	81,90	387.908	81,88	111
2	Đất phi nông nghiệp	40.908	8,64	40.544	8,56	364
3	Đất chưa sử dụng	44.816	9,46	45.291	9,56	-475
Tổng cộng		473.744	100,00	473.744	100,00	

2.1. Biến động về đất nông nghiệp

Biến động về đất nông nghiệp trong năm 2017 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6 - Tình hình biến động về đất nông nghiệp

STT	Mục đích sử dụng	Năm 2017		Năm 2016		So sánh diện tích tăng, giảm (+, -)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1	Nhóm đất nông nghiệp	388.019,8	100	387.908,4	100	111,4
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	121.520,4	31,32	121.756,8	31,39	-236,4
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	73.325,1	18,90	73.532,8	18,96	-207,7
1.1.1.1	Đất trồng lúa	28.796,7	7,42	28.835,2	7,43	-38,5
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	44.528,4	11,48	44.697,7	11,52	-169,3
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	48.195,2	12,42	48.223,8	12,43	-28,6
1.2	Đất lâm nghiệp	263.434,1	67,89	263.089,8	67,82	344,3
1.2.1	Đất rừng sản xuất	119.540,8	30,81	118.315,7	30,50	1.225,1
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	81.452,8	20,99	82.324,5	21,22	-871,7
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	62.440,4	16,09	62.449,6	16,10	-9,2
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.909,1	0,75	2.915,0	0,75	-5,9
1.4	Đất làm muối	10,9	0,00	10,9	-	0,0
1.5	Đất nông nghiệp khác	145,3	0,04	135,9	0,04	9,4

2.1.1. Đất trồng lúa

So với năm 2016, diện tích đất trồng lúa giảm 38,4 ha.

Diện tích đất trồng lúa biến động giảm là 43,4 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 10,3 ha (xác định lại loại đất do nhầm ở kết quả thống kê 2016 tại xã Hải Quế 0,3 ha; do xác định lại loại đất khi cấp GCN cho các hộ gia đình tại xã Mò Ó - huyện Đakrông 7,5 ha; chuyển mục đích tại xã Vĩnh Long, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Linh 2,5 ha);

+ Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 0,6 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,4 ha để xây dựng trang trại);

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 3,1 ha (phân lô tại các xã Hải Phú, Hải Thượng, Hải Thành, Hải Dương, Hải Quế - huyện Hải Lăng 1,0 ha; tại các xã Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Đông, Triệu Thượng, Triệu Giang - huyện Triệu Phong 0,7 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 0,3 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,6 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 0,5 ha);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 2,5 ha (xây dựng khu tái định cư tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 2,0 ha);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,2 ha (xây dựng trụ sở UBND xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,2 ha (xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt - huyện Gio Linh 1,1 ha; xây dựng sân thể thao xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ 0.1 ha);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,3 ha (xây dựng cây xăng Vĩnh Sơn);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 12,6 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng và Cải tạo đường cong Quốc lộ 49C tại xã Triệu Trung - huyện Triệu Phong 1,3 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Quy, Hải Phú - huyện Hải Lăng 3,8 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 1,0 ha; mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 2,1 ha để xây dựng cầu đường cụm công nghiệp Cam Hiếu, đường Thanh Niên xã Cam An, giao thông tại thị trấn Cam Lộ; tại huyện Hướng Hóa 1,3 ha; tại thành phố Đông Hà 2,9 ha);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,2 ha (Mở rộng Niệm Phật đường Tài Lương ở huyện Triệu Phong và xây dựng Niệm Phật đường Võ Xá ở huyện Gio Linh);

+ Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 1,5 ha (xây dựng hồ sinh thái tại thị trấn Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 11,0 ha (tại huyện Gio Linh 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,6 ha để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư Võ Thị Sáu; tại thành phố Đông Hà 9,9 ha).

Diện tích đất trồng lúa biến động tăng là 4,9 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 4,0 ha (do xác định lại loại đất khi cấp GCN cho các hộ gia đình tại xã Mò Ó - huyện Đakrông 3,0 ha; tại huyện Cam Lộ 1,0 ha);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,1 ha (do kết quả thống kê năm 2016 xác định loại đất nhằm tại xã Mò Ó - huyện Đakrông);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,8 ha (tại huyện Cam Lộ).

2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

So với năm 2016, đất trồng cây hàng năm khác giảm 169,3 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác biến động giảm là 206,1 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng lúa 4,0 ha (do xác định lại loại đất khi cấp GCN cho các hộ gia đình tại xã Mò Ó - huyện Đakrông 3,0 ha; chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 1,0 ha);

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 8,5 ha (chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 8,3 ha);

+ Chuyển sang đất trồng rừng sản xuất 126,8 ha (do các GCN cho các hộ gia đình tại xã Tà Rụt và xã A Ngo - huyện Đakrông theo Nghị quyết 30A 126,5 ha; chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,3 ha);

+ Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 0,2 ha (chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,4 ha (xây dựng trang trại chăn nuôi lợn tại xã Linh Hải - huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,8 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,4 ha xây dựng vườn ươm cây giống của công ty cổ phần thương mại Quảng Trị);

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 14,7 ha (phân lô tại các xã Hải Dương, Hải Khê, Hải Thành, Hải Lâm, Hải Thiện, Hải Thọ, Hải Vĩnh, Hải Thượng, Hải Ba, Hải Phú, Hải Xuân - huyện Hải Lăng 3,5 ha; tại các xã Triệu Vân, Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Hòa, Triệu Đông, Triệu Ái, Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Thành - huyện Triệu Phong 1,9 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 1,0 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 5,6 ha; giao đất, chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 2,6 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 2,5 ha (chuyển mục đích tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 1,4 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,5 ha; tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; chuyển mục đích tại huyện Hướng Hóa 0,1 ha; tại huyện Triệu Phong 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,5 ha (xây dựng Chi cục thuế huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; mở rộng trụ sở UBND xã A Dơi - huyện Hướng Hóa 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất quốc phòng 5,5 ha (xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,3 ha (tại huyện Triệu Phong 0,1 ha; Xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt - huyện Gio Linh 0,5 ha và tại huyện Cam Lộ 0,7 ha);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2,9 ha (tại huyện Triệu Phong 0,8 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 2,0 ha);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 32,7 ha (tại huyện Triệu Phong 2,2 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Phú, Hải Thượng - huyện Hải Lăng và đất giao thông trong vùng phân lô đấu giá 1,0 ha; tại huyện Đakrông 7,3 ha để mở rộng tuyến đường đấu giá đất từ nhà máy nước đến huyện đội cũ ở thị trấn KrôngKlang, xây dựng thủy lợi tại xã Tà Long, mở đường giao thông tại xã Mò Ó, xây dựng đường giao thông thủy điện Đkrông 4 tại xã Đakrông, xây dựng đường thôn Tân Đi 2 tại xã A Vao; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; xây dựng đường từ Quốc lộ 1A đến Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, xây dựng cơ sở hạ tầng bãi tắm Gio Hải 3,4 ha; tại huyện Cam Lộ 2,4 ha; tại huyện Hướng Hóa 13,0 ha để mở rộng đường giao thông; tại thành phố Đông Hà 3,2 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,2 ha (xây dựng Chi hội Tin lành Cửa Việt tại xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong);

+ Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,2 ha (tại xã Mò Ó - huyện Đakrông);

+ Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,2 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,7 ha (tại huyện Cam Lộ 0,7 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 3,9 ha (giải phóng mặt bằng xây dựng khu quy hoạch dân cư Võ Thị Sáu tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; hành lang khu vực đấu giá tại xã Gio Mỹ, Gio An 0,4 ha; tại huyện Cam Lộ 1,3 ha; tại thành phố Đông Hà 2,1 ha).

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác biến động tăng là 36,9 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 10,3 ha (xác định lại loại đất do nhầm ở kết quả thống kê 2016 tại xã Hải Quế 0,3 ha; do xác định lại loại đất khi cấp GCN cho các hộ gia đình tại xã Mò Ó - huyện Đakrông 7,5 ha; chuyển mục đích tại xã Vĩnh Long, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Linh 2,5 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,5 ha (tại xã Hải Vĩnh - huyện Hải Lăng và chuyển đổi mục đích tại xã Gio An - huyện Gio Linh);

+ Nhận từ đất trồng rừng sản xuất 12,0 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Vĩnh Linh 1,3 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Tuyền, Cam An - huyện Cam Lộ 10,3 ha);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,8 ha (do kết quả thống kê năm 2016 xác định loại đất nhằm tại xã Mò Ó 0,3 ha; chuyển mục đích sân bóng xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ 0,3 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha do điều chỉnh khoanh đất trường mầm non Ba Tầng);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 10,4 ha (cải tạo bãi vật liệu xã Cam Tuyên và khu đất làm trạm trộn xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 8,2 ha; tại huyện Hướng Hóa 2,2 ha do điều chỉnh khoanh đất nhà máy tinh bột sắn xã Thuận);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Gio Linh, huyện Hải Lăng với diện tích không đáng kể);

+ Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,2 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ 0,1 ha do quy hoạch nghĩa trang nhưng không thực hiện);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 2,6 ha (do cấp GCN tại xã Mò Ó 2,0 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,2 ha; tại huyện Hải Lăng 0,1 ha).

2.1.3. Đất trồng cây lâu năm

So với năm 2016, đất trồng cây lâu năm giảm 28,7 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm biến động giảm là 65,7 ha, do chuyển qua các loại đất:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha (chuyển mục đích tại xã Gio An - huyện Gio Linh);

+ Chuyển sang đất rừng sản xuất 0,6 ha (cấp GCN theo Nghị quyết 30A tại xã A Ngo - huyện Đakrông);

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác 4,7 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 2,5 ha (phân lô đất ở tại xã Hải Phú - huyện Hải Lăng 0,3 ha; chuyển mục đích tại xã Hải Lệ - thị xã Quảng Trị 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 0,2 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,7 ha; chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; chuyển mục đích tại huyện Hướng Hóa 1,0 ha);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 2,8 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông 0,1 ha để đấu giá đất; chuyển mục đích tại thị xã Quảng Trị 0,8 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha; chuyển mục đích tại huyện Hướng Hóa 1,7 ha);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,5 ha (xây dựng Trạm y tế xã Tà Rụt 0,2 ha; xây dựng Cung quản lý đường bộ 39 tại thị trấn KrôngKlang 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 2,1 ha để xây dựng trạm nghiên cứu khoa học và công nghệ bắc Hướng Hóa (xem lại công trình này thu hồi đất RSX không phải đất CLN) và mở rộng trường mầm non xã Tân Thành);

- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 4,0 ha (Xây dựng Công ty lương thực tại xã Hường Phùng, Hường Sơn -huyện Hường Hóa);
- + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 47,5 ha (tại huyện Đakrông 0,2 ha để mở rộng tuyến đường đầu giá đất từ nhà máy nước đến huyện đội cũ ở thị trấn KrôngKlang, xây dựng đường giao thông thủy điện Đkrông 4 tại xã Ba Nang; mở rộng đường nối Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,9 ha; tại huyện Hường Hóa 46,3 ha để mở rộng các tuyến đường);
- + Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,1 ha (xây dựng giáo xứ Ba Lòng);
- + Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,3 ha (tại thành phố Đông Hà);
- + Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,3 ha (tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,2 ha);
- Diện tích đất trồng cây lâu năm biến động tăng là 37,1 ha, trong đó:*
- + Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 8,5 ha (chuyển mục đích tại xã Gio An - huyện Gio Linh 0,2 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Thủy, Cam Chính - huyện Cam Lộ 8,3 ha);
- + Nhận từ đất rừng sản xuất 20,5 ha (chuyển mục đích tại xã Vĩnh Thủy - huyện Vĩnh Linh 7,8 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Tuyền, Cam Thủy - huyện Cam Lộ 12,7 ha);
- + Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2,1 ha (tại huyện Hường Hóa do điều chỉnh khoanh đất nhà máy tinh bột sắn xã Thuận);
- + Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Hường Hóa);
- + Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 5,7 ha (chuyển mục đích tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ);
- + Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 0,3 ha (giao đất mới tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha; tại xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ 0,1 ha).

2.1.4. Đất rừng sản xuất

So với năm 2016, diện tích đất rừng sản xuất biến động tăng 1.225,1 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất biến động giảm là: 170,1 ha. Do chuyển qua các loại đất:

- + Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 12,0 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Vĩnh Linh 1,3 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Tuyền, Cam An - huyện Cam Lộ 10,3 ha);
- + Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 20,5 ha (chuyển mục đích tại xã Vĩnh Thủy - huyện Vĩnh Linh 7,8 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Tuyền, Cam Thủy - huyện Cam Lộ 12,7 ha);

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 1,2 ha (phân lô tại xã Triệu Ái - huyện Triệu Phong 0,5 ha; tại huyện Gio Linh 0,2 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 0,4 ha);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 0,5 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông 0,4 ha để đầu giá đất; ở huyện Gio Linh với diện tích không đáng kể);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,3 ha (xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh tại thị trấn Hải Lăng - huyện Hải Lăng);

+ Chuyển sang đất quốc phòng 38,1 ha (xây dựng Bộ CHQS tỉnh tại huyện Triệu Phong 29,8 ha; xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông 4,3 ha; xây dựng thao trường bắn Ban CHQS huyện Gio Linh 1,2 ha; xây dựng đường hầm DH6 tại huyện Cam Lộ 2,8 ha);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,5 ha (xây dựng Trạm y tế xã Triệu An - huyện Triệu Phong 0,2 ha; xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt 0,4 ha; tại huyện Cam Lộ 0,8 ha);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 20,3 ha (xây dựng Cụm công nghiệp Đông Ái Tử 1,4 ha; tại huyện Vĩnh Linh 5,6 ha để xây dựng nhà máy nghiền cát siêu mịn ở Vĩnh Thái, nhà máy bê tông tươi ở Vĩnh Chấp; tại huyện Cam Lộ 11,9 ha; tại thành phố Đông Hà 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 1,0 ha);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 24,4 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng, thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong và Đường Trường Chinh nối dài tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong 0,6 ha; xây dựng đường thủy điện 4 tại xã Ba Nang - huyện Đakrông 7,8 ha; tại huyện Gio Linh 3,4 ha để mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn và mở đường giao thông tại xã Gio Quang; tại huyện Cam Lộ 3,9 ha; tại huyện Hướng Hóa 8,5 ha để xây dựng đường Xa Ry - Chênh Vênh, đường sản xuất Chênh Vênh, đường từ trạm kiểm soát A Dơi - trạm kiểm soát Pa Roi; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);

+ Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 15,9 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 35,6 ha (giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư Bằng Cây Trâm xã Hải Lệ - thị xã Quảng Trị 8,5 ha; tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 27,1 ha).

Diện tích đất rừng sản xuất biến động tăng là: 1.395,3 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 126,8 ha (do các GCN cho các hộ gia đình tại xã Tà Rụt và xã A Ngo - huyện Đakrông theo Nghị quyết 30A 126,5 ha; chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,3 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,6 ha (cấp GCN theo Nghị quyết 30A tại xã A Ngo - huyện Đakrông);

- + Nhận từ đất trồng rừng phòng hộ 856,7 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ 856,6 ha);
- + Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (do cấp GCN theo Nghị quyết 30A 0,1 ha tại xã Tà Rụt - huyện Đakrông);
- + Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);
- + Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 3,7 ha (khu đất nghĩa địa tại xã Cam Thủy, Cam Thanh - huyện Cam Lộ chưa sử dụng nên tạm giao để nhân dân trồng rừng);
- + Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 5,2 ha (do cấp GCN theo Nghị quyết 30A 1,6 ha tại xã Tà Rụt, A Ngo - huyện Đakrông; giao đất mới tại thị trấn Gio Việt - huyện Gio Linh 0,7 ha; khai hoang trồng rừng tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 2,9 ha);
- + Nhận từ đất đồi núi chưa sử dụng 402,1 ha (do cấp GCN theo Nghị quyết 30A 342,2 ha tại xã Tà Rụt, A Ngo - huyện Đakrông; tại huyện Hướng Hóa 59,9 ha do nhận lại từ công ty cổ phần Vinafor Quảng Trị).

2.1.5. Đất rừng phòng hộ

So với năm 2016, diện tích đất rừng phòng hộ biến động giảm 871,8 ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ biến động giảm là: 871,7 ha. Do chuyển qua các loại đất:

- + Chuyển sang đất trồng rừng sản xuất 856,7 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ 856,6 ha theo quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị);
 - + Chuyển sang đất quốc phòng 0,2 ha (xây dựng đường hầm DH6 tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ);
 - + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);
 - + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 14,6 ha (xây dựng Trạm điện Cồn Cỏ 0,1 ha; tại huyện Đakrông 3,7 ha để xây dựng đường đi Hướng Linh, đường thôn Tân Đi 2, đường thủy điện Đakrông 4; mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn 2,4 ha; tại huyện Hướng Hóa 8,4 ha để xây dựng đường Hùng Vương nối dài, đường Cù Bai - Tà Păng).
 - + Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);
- Diện tích đất rừng phòng hộ biến động tăng với diện tích không đáng kể do nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng tại huyện GioLinh.*

2.1.6. Đất rừng đặc dụng

So với năm 2016, diện tích đất rừng đặc dụng biến động giảm 9,2 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng (xây dựng đường giao thông tại xã Ba Nang và đường thủy điện Đakrông 4).

2.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản

So với năm 2016, diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 5,9 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản biến động giảm là: 6,9 ha, chủ yếu do chuyển qua các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 0,1 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Châu - huyện Gio Linh);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 5,2 ha (xây dựng nhà máy sửa chữa, đóng tàu Cửa Việt - huyện Gio Linh);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,1 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha; tại huyện Hải Lăng 0,7 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,5 ha (tại thành phố Đông Hà);

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản biến động tăng là: 0,9 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 0,6 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,2 ha; tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 0,4 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,2 ha (tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 0,1 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Châu - huyện Gio Linh).

2.1.8. Đất làm muối

Đến ngày 31/12/2017, đất làm muối toàn tỉnh có 10,9 ha. So với năm 2016, diện tích đất làm muối không biến động.

2.1.9. Đất nông nghiệp khác

So với năm 2016, diện tích đất nông nghiệp khác tăng 9,4 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác biến động giảm là: 0,2 ha, do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng (xây dựng đường Trường Chinh nối dài tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong);

Diện tích đất nông nghiệp khác biến động tăng là: 9,5 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 1,4 ha (xây dựng trang trại chăn nuôi lợn tại xã Linh Hải - huyện Gio Linh 0,1 ha; xây dựng trang trại tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 0,8 ha; xây dựng vườn ươm cây giống của công ty cổ phần tôn công ty thương mại Quảng Trị tại xã Thuận - huyện Hướng Hóa 0,4 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 4,7 ha (xây dựng trang trại tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất cơ sở, sản xuất phi nông nghiệp 3,5 ha (tại huyện Hướng Hóa).

2.2. Biến động về đất phi nông nghiệp

Biến động về đất phi nông nghiệp năm 2017 so với năm 2016 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 7 - Tình hình biến động về đất phi nông nghiệp

STT	Mục đích sử dụng	Năm 2017		Năm 2016		So sánh diện tích tăng, giảm (+, -)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1	Nhóm đất phi nông nghiệp	40.908,2	100	40.544,2	100	364,0
1.1	Đất ở	4.308,1	10,53	4.259,1	10,50	49,0
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	3.016,4	7,37	2.992,9	7,38	23,5
1.1.2	Đất ở tại đô thị	1.291,7	3,16	1.266,2	3,12	25,5
1.2	Đất chuyên dùng	18.082,7	44,20	17.756,1	43,79	326,6
1.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	148,1	0,36	145,7	0,36	2,4
1.2.2	Đất quốc phòng	1.342,1	3,28	1.297,5	3,20	44,6
1.2.3	Đất an ninh	270,9	0,66	270,2	0,67	0,7
1.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	983,4	2,40	983,3	2,43	0,1
1.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.310,8	3,20	1.237,5	3,05	73,2
1.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	14.027,4	34,29	13.821,9	34,09	205,4
1.3	Đất cơ sở tôn giáo	86,2	0,21	85,2	0,21	1,1
1.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	381,4	0,93	382,2	0,94	-0,8
1.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	4.827,9	11,80	4.829,0	11,91	-1,1
1.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	9.550,4	23,35	9.552,4	23,56	-2,0
1.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	3.663,9	8,96	3.672,9	9,06	-8,7
1.8	Đất phi nông nghiệp khác	7,7	0,02	7,7	0,02	-

2.2.1. Đất ở tại nông thôn

So với năm 2016, đất ở tại nông thôn tăng với 23,5 ha.

Diện tích đất ở nông thôn biến động giảm là: 2,0 ha, chủ yếu do chuyển qua các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,1 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Phú 0,1 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng và Cải tạo đường cong Quốc lộ 49C tại xã Triệu Trung 0,5 ha; mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,3 ha để mở rộng đường giao thông);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,8 ha (tại xã Gio Phong - huyện Gio Linh do đất ở nhưng chưa xây dựng, kết quả thống kê năm 2016 đã thống kê vào mục đích đất ở).

Diện tích đất ở nông thôn biến động tăng là: 25,4 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 3,1 ha (phân lô tại các xã Hải Phú, Hải Thượng, Hải Thành, Hải Dương, Hải Quế - huyện Hải Lăng 1,0 ha; tại các xã Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Đông, Triệu Thượng, Triệu Giang - huyện Triệu Phong 0,7 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 0,3 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,6 ha; chuyển mục đích tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ 0,5 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 14,7 ha (phân lô tại các xã Hải Dương, Hải Khê, Hải Thành, Hải Lâm, Hải Thiện, Hải Thọ, Hải Vĩnh, Hải Thượng, Hải Ba, Hải Phú, Hải Xuân - huyện Hải Lăng 3,5 ha; tại các xã Triệu Vân, Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Hòa, Triệu Đông, Triệu Ái, Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Thành - huyện Triệu Phong 1,9 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 1,0 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 5,6 ha; giao đất, chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 2,6 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,1 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 2,5 ha (phân lô tại xã Hải Phú - huyện Hải Lăng 0,3 ha; chuyển mục đích tại xã Hải Lệ - thị xã Quảng Trị 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 0,2 ha; chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; tại huyện Hướng Hóa 1,0 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,7 ha);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 1,2 ha (phân lô tại xã Triệu Ái - huyện Triệu Phong 0,5 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Cam Lộ 0,4 ha; tại huyện Gio Linh 0,2 ha);

+ Nhận từ đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha (chuyển mục đích tại xã Gio Châu - huyện Gio Linh);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,7 ha (tại xã Triệu Ái - huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,4 ha (phân lô chợ cũ Hải Dương - huyện Hải Lăng 0,3 ha và 0,1 ha tại các xã Triệu Hòa, Triệu Ái, Triệu Thượng - huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,2 ha (tại xã Triệu Hòa - huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 2,6 ha (phân lô tại xã Hải Thành, Hải Thọ - huyện Hải Lăng 0,4 ha; tại các xã Triệu Độ, Triệu Đại, Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Thượng, Triệu Thành - huyện Triệu Phong 0,5 ha; giao đất mới tại huyện Gio Linh 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 1,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,4 ha).

2.2.2. Đất ở tại đô thị

So với năm 2016, diện tích đất ở tại đô thị tăng 25,5 ha.

Diện tích đất ở tại đô thị biến động giảm 2,6 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha (chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,3 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong 0,1 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,6 ha; tại thành phố Đông Hà 1,7 ha);

+ Ngoài ra còn chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối với diện tích không đáng kể.

Diện tích đất ở tại đô thị biến động tăng là: 28,1 ha, được chuyển từ các loại đất:

+ Nhận từ đất trồng lúa 2,5 ha (xây dựng khu tái định cư tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 2,0 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 2,5 ha (phân lô tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong 0,1 ha; chuyển mục đích tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Gio Linh 1,4 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 0,5 ha; tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; chuyển mục đích tại thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 0,1 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 2,8 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông để đấu giá 0,1 ha; chuyển mục đích tại thị xã Quảng Trị 0,8 ha; chuyển mục đích tại thị trấn Khe Sanh, Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 1,7 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 0,5 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông để đấu giá 0,4 ha và tại huyện Gio Linh với diện tích không đáng kể);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,1 ha (Phân lô đấu giá đất ở trường Lê Quý Đôn tại thị xã Quảng Trị);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,5 ha (từ hệ thống mương, đường nội đồng thị xã Quảng Trị để xây dựng khu tái định cư tuyến tránh Quốc lộ 1A 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,3 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

+ Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,2 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông tại thành phố Đông Hà để đấu giá);

+ Nhận từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 19,1 ha (đấu giá đất tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông 0,1 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 2,1 ha; tại thành phố Đông Hà 12,8 ha; tại huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Triệu Phong 3,0 ha).

2.2.3. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

So với năm 2016, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 2,4 ha.

Diện tích xây dựng trụ sở cơ quan biến động giảm 1,1 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,3 ha (điều chỉnh khoanh đất trụ sở UBND thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,9 ha (giải phóng mặt bằng trụ sở UBND huyện, nhà thiếu nhi, trung tâm môi trường tại huyện Gio Linh để phân lô đấu giá 0,8 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

Diện tích xây dựng trụ sở cơ quan biến động tăng 3,6 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 0,2 ha (xây dựng trụ sở UBND xã Cam Thủy);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha (xây dựng chi cục thống kê huyện Gio Linh 0,1 ha; xây dựng chi cục thuế huyện Cam Lộ 0,3 ha; mở rộng trụ sở UBND xã A Dơi - huyện Hướng Hóa);

+ Nhận từ đất trồng rừng sản xuất 0,3 ha (xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh tại thị trấn Hải Lăng - huyện Hải Lăng);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,5 ha (chuyển từ sân sân thể thao để xây dựng UBND xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 1,9 ha (xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,9 ha; tại thành phố Đông Hà 0,7 ha).

2.2.4. Đất quốc phòng

So với năm 2016, diện tích đất quốc phòng tăng 44,6 ha.

Diện tích đất quốc phòng biến động giảm 0,2 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (kết quả thống kê 2016 chưa chính xác, điều chỉnh ranh giới sang khoanh đất công ty lương thực);

+ Ngoài ra có một phần diện tích không đáng kể chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

Diện tích đất quốc phòng biến động tăng 44,8 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 5,5 ha (xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông tại thị trấn Đakrông);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 38,1 ha (xây dựng Bộ CHQS tỉnh tại huyện Triệu Phong 29,8 ha; xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông 4,3 ha; xây dựng thao trường bắn Ban CHQS huyện Gio Linh 1,2 ha; xây dựng đường hầm DH6 tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ 2,8 ha);

+ Nhận từ đất rừng phòng hộ 0,2 ha (xây dựng đường hầm DH6 tại xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,2 ha (tại huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 0,9 ha (xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông tại thị trấn Đakrông).

2.2.5. Đất an ninh

Tính đến ngày 31/12/2017 diện tích đất an ninh là 270,9 ha, tăng 0,7 ha so với năm 2016 (xây dựng trạm Cảnh sát giao thông tại xã Hải Trường - huyện Hải Lăng).

2.2.6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

So với năm 2016, diện tích xây dựng công trình sự nghiệp tăng 0,1 ha, trong đó:

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp biến động giảm 9,6 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng lúa 0,1 ha (do kết quả thống kê đất đai năm 2016 xác định nhầm loại đất tại xã Mò Ó - huyện Đakrông);

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,8 ha (do kết quả thống kê đất đai năm 2016 xác định nhầm loại đất tại xã Mò Ó - huyện Đakrông 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,3 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 0,1 ha (chuyển đổi mục đích trường Lê Quý Đôn tại thị xã Quảng Trị);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,5 ha (xây dựng trụ sở UBND xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 7,0 ha (xây dựng trường mầm non tuổi thân tiên do công ty TNHH MTV Bằng Loan quản lý tại thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 6,6 ha; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,9 ha (tại huyện Hướng Hóa 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,1 ha (tại huyện Triệu Phong);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ).

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp biến động tăng 9,6 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 1,2 ha (tại huyện Gio Linh 1,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 1,3 ha (tại huyện Gio Linh 0,5 ha; tại huyện Cam Lộ 0,7 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 2,5 ha (xây dựng Trạm y tế xã Tà Rụt 0,2 ha; xây dựng Cung quản lý đường bộ 39 tại thị trấn KrôngKlang 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 2,1 ha để xây dựng trạm nghiên cứu khoa học và công nghệ bắc Hướng Hóa và mở rộng trường mầm non xã Tân Thành);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 1,5 ha (xây dựng Trạm y tế xã Triệu An - huyện Triệu Phong 0,2 ha; xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt 0,4 ha; tại huyện Cam Lộ 0,8 ha);

+ Nhận từ đất ở đô thị 0,2 ha (chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh);

- + Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,3 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,4 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 1,0 ha (mở rộng trường tiểu học Hướng Hiệp - huyện Đakrông 0,3 ha; xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);
- + Nhận từ đất đồi núi chưa sử dụng 0,2 ha (mở rộng trường tiểu học Hướng Hiệp - huyện Đakrông).

2.2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

So với năm 2016, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng 73,2 ha.

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp biến động giảm là 20,1 ha, trong đó:

- + Chuyển sang đất trồng lúa 0,8 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 10,4 ha (tại huyện Cam Lộ 8,2 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha);
- + Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 2,1 ha (tại huyện Hướng Hóa do điều chỉnh khoanh đất nhà máy tinh bột sắn xã Thuận);
- + Chuyển sang đất rừng sản xuất 0,1 ha (cấp GCN cho các hộ gia đình theo Nghị quyết 30A tại xã Tà Rụt - huyện Đakrông);
- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác 3,5 ha (tại huyện Hướng Hóa);
- + Chuyển sang đất ở nông thôn 0,7 ha (tại xã Triệu Ái - huyện Triệu Phong);
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,3 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,8 ha (xây dựng cơ sở hạ tầng bãi tắm Gio Hải - huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);
- + Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ 0,2 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha).

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp biến động tăng là 93,5 ha, trong đó:

- + Nhận từ đất trồng lúa 0,3 ha (xây dựng cây xăng Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Linh);

- + Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 2,9 ha (tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Triệu Phong 0,8 ha; tại huyện Hướng Hóa 2,0 ha);
- + Nhận từ đất đất trồng cây lâu năm 4,0 ha (tại huyện Hướng Hóa);
- + Nhận từ đất rừng sản xuất 20,3 ha (xây dựng Cụm công nghiệp Đông Ái Tử 1,4 ha; tại huyện Vĩnh Linh 5,6 ha để xây dựng nhà máy nghiền cát siêu mịn ở Vĩnh Thái, nhà máy bê tông tươi ở Vĩnh Chấp; tại huyện Cam Lộ 11,9 ha; tại thành phố Đông Hà 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 1,0 ha);
- + Nhận từ đất rừng phòng hộ 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);
- + Nhận từ đất nuôi trồng thủy sản 5,2 ha (xây dựng nhà máy sửa chữa, đóng tàu Cửa Việt - huyện Gio Linh);
- + Nhận từ đất ở nông thôn 0,1 ha (xây dựng cây xăng tại xã Cam Thanh - huyện Cam Lộ);
- + Nhận từ đất quốc phòng 0,1 ha (kết quả thống kê 2016 chưa chính xác, điều chỉnh ranh giới sang khoanh đất công ty lương thực);
- + Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 7,0 ha (xây dựng trường mầm non tuổi thân tiên do công ty TNHH MTV Bằng Loan quản lý tại thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 6,6 ha; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);
- + Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,5 ha (xây dựng nhà máy dăm gỗ Hải Lệ - thị xã Quảng Trị 0,1 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; tại xã Cam Hiếu - huyện Cam Lộ 0,3 ha);
- + Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 34,6 ha (xây dựng nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất từ ván ép MDF/HDF tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 3,7 ha; tại huyện Vĩnh Linh 2,1 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để xây dựng kho của bà Hoàng Thị Miện; tại thành phố Đông Hà 0,2 ha; tại huyện Triệu Phong 28,4 ha);
- + Nhận từ đất đồi núi chưa sử dụng 18,5 ha (xây dựng công ty lương thực tại xã Hướng Sơn - huyện Hướng Hóa 18,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha).

2.2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng

So với năm 2016, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 205,4 ha.

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng biến động giảm 4,0 ha, trong đó:

- + Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,1 ha (tại huyện Gio Linh, huyện Hải Lăng với diện tích không đáng kể);
- + Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,1 ha (tại huyện Hướng Hóa);
- + Chuyển sang đất rừng sản xuất 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);
- + Chuyển sang đất ở nông thôn 0,4 ha (phân lô chợ cũ Hải Dương - huyện Hải Lăng 0,3 ha và 0,1 ha tại các xã Triệu Hòa, Triệu Ái, Triệu Thượng - huyện Triệu Phong);

- + Chuyển sang đất ở đô thị 0,5 ha (từ hệ thống mương, đường nội đồng thị xã Quảng Trị để xây dựng khu tái định cư tuyến tránh Quốc lộ 1A 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,3 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,2 ha (tại huyện Triệu Phong);
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,5 ha (tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,3 ha);
- + Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,6 ha (tại thành phố Đông Hà);
- + Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,2 ha (tại thành phố Đông Hà);
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);
- + Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 1,0 ha (tại xã Hải Thái - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để giải phóng mặt bằng khu tái định cư xã Hải Lệ; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng biến động tăng 209,5 ha, trong đó:

- + Nhận từ đất trồng lúa 12,6 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng và Cải tạo đường cong Quốc lộ 49C tại xã Triệu Trung - huyện Triệu Phong 1,3 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Quy, Hải Phú - huyện Hải Lăng 3,8 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 1,0 ha; mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 2,1 ha để xây dựng cầu đường cụm công nghiệp Cam Hiếu, đường Thanh Niên xã Cam An, giao thông tại thị trấn Cam Lộ; tại huyện Hướng Hóa 1,3 ha; tại thành phố Đông Hà 2,9 ha);
- + Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 32,7 ha (tại huyện Triệu Phong 2,2 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Phú, Hải Thượng - huyện Hải Lăng và đất giao thông trong vùng phân lô đấu giá 1,0 ha; tại huyện Đakrông 7,3 ha để mở rộng tuyến đường đấu giá đất từ nhà máy nước đến huyện đội cũ ở thị trấn KrôngKlang, xây dựng thủy lợi tại xã Tà Long, mở đường giao thông tại xã Mò Ó, xây dựng đường giao thông thủy điện Đkrông 4 tại xã Đakrông, xây dựng đường thôn Tân Đi 2 tại xã A Vao; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; xây dựng đường từ Quốc lộ 1A đến Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, xây dựng cơ sở hạ tầng bãi tắm Gio Hải 3,4 ha; tại huyện Cam Lộ 2,4 ha; tại huyện Hướng Hóa 13,0 ha để mở rộng đường giao thông; tại thành phố Đông Hà 3,2 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 47,5 ha (tại huyện Đakrông 0,2 ha để mở rộng tuyến đường đấu giá đất từ nhà máy nước đến huyện đội cũ ở thị trấn KrôngKlang, xây dựng đường giao thông thủy điện Đkrông 4 tại xã Ba Nang; mở rộng đường nối Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,9 ha; tại huyện Hướng Hóa 46,3 ha để mở rộng các tuyến đường);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 24,4 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng, thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong và Đường Trường Chinh nối dài tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong 0,6 ha; xây dựng đường thủy điện 4 tại xã Ba Nang - huyện Đakrông 7,8 ha; tại huyện Gio Linh 3,4 ha để mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn và mở đường giao thông tại xã Gio Quang; tại huyện Cam Lộ 3,9 ha; tại huyện Hướng Hóa 8,5 ha để xây dựng đường Xa Ry - Chênh Vênh, đường sản xuất Chênh Vênh, đường từ trạm kiểm soát A Dơi - trạm kiểm soát Pa Roi; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);

+ Nhận từ đất rừng phòng hộ 14,6 ha (để xây dựng Trạm điện Cồn Cỏ 0,1 ha; tại huyện Đakrông 3,7 ha để mở đường đi Hướng Linh, đường thôn Tân Đi 2, đường thủy điện Đakrông 4; tại huyện Gio Linh 2,4 ha; tại huyện Hướng Hóa 8,4 ha để xây dựng đường Hùng Vương nối dài, đường Cù Bai - Tà Păng);

+ Nhận từ đất rừng đặc dụng 9,2 ha (xây dựng đường giao thông tại xã Ba Nang và đường thủy điện Đakrông 4);

+ Nhận từ đất nuôi trồng thủy sản 1,1 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha; tại huyện Hải Lăng 0,7 ha);

+ Nhận từ đất nông nghiệp khác 0,1 ha (xây dựng đường Trường Chinh nối dài tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất ở nông thôn 1,1 ha (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Hải Phú 0,1 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại xã Triệu Thượng và Cải tạo đường cong Quốc lộ 49C tại xã Triệu Trung 0,5 ha; mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn - huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,3 ha để mở rộng đường giao thông);

+ Nhận từ đất ở đô thị 2,3 (xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị trấn Ái Tử - huyện Triệu Phong 0,1 ha; xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A tại thị xã Quảng Trị 0,6 ha; tại thành phố Đông Hà 1,7 ha);

+ Nhận từ đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,3 ha (điều chỉnh khoanh đất trụ sở UBND thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,9 ha (tại huyện Hướng Hóa 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,8 ha (tại huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Hướng Hóa 0,5 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

+ Nhận từ đất tín ngưỡng 0,4 ha (tại huyện Hương Hóa 0,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);

+ Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 4,3 ha (tại huyện Hương Hóa 0,5 ha; tại huyện Gio Linh 0,2 ha; tại thành phố Đông Hà 2,5 ha; tại huyện Cam Lộ 0,5 ha; tại huyện Triệu Phong 0,7 ha);

+ Nhận từ đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3,9 ha (xây dựng đường thủy điện Đakrông 4 tại xã Ba Nang - huyện Đakrông 1,9 ha; tại huyện Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Hương Hóa 0,9 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,4 ha để làm đường tránh Quốc lộ 1A; tại huyện Triệu Phong 0,4 ha);

+ Nhận từ đất có mặt nước chuyên dùng 1,8 ha (mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 1,1 ha; tại huyện Hương Hóa 0,1 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để làm đường tránh Quốc lộ 1A; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 35,5 ha (mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn 0,3 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,4 ha; tại thị xã Quảng Trị 3,6 ha để xây dựng khu dân cư Võ Thị Sáu; tại thành phố Đông Hà 29,6 ha; tại huyện Triệu Phong 1,3 ha);

+ Nhận từ đất đồi núi chưa sử dụng 16,0 ha (tại huyện Đakrông 8,6 ha để xây dựng Bãi xử lý rác thải, đường thủy điện Đakrông 4, thủy lợi tại xã Tà Long; tại huyện Hương Hóa 7,4 ha).

2.2.9. Đất cơ sở tôn giáo

So với năm 2016, diện tích đất cơ sở tôn giáo tăng 1,1 ha.

Diện tích đất cơ sở tôn giáo biến động giảm 0,1 ha do chuyển sang đất tín ngưỡng tại xã Triệu Tài - huyện Triệu Phong;

Diện tích đất cơ sở tôn giáo biến động tăng 1,1 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 0,2 ha (xây dựng Niệm Phật đường Võ Xá - huyện Gio Linh);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,2 ha (xây dựng Chi hội Tin lành Cửa Việt tại xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,1 ha (xây dựng Giáo xứ Ba Lòng);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,1 ha (tại huyện Triệu Phong);

+ Nhận từ đất tín ngưỡng 0,4 ha (tại huyện Hải Lăng 0,1 ha; tại huyện Triệu Phong 0,1 ha và tại huyện Hương Hóa 0,2 ha).

2.2.10. Đất cơ sở tín ngưỡng

So với năm 2016, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng giảm 0,8 ha.

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng biến động giảm 0,9 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,4 ha (tại huyện Hương Hóa 0,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,3 ha);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,4 ha (tại huyện Hải Lăng 0,1 ha; tại huyện Triệu Phong 0,1 ha và tại huyện Hướng Hóa 0,2 ha);

+ Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng biến động tăng 0,1 ha, do nhận từ đất cơ sở tôn giáo để xây dựng Niệm Phật đường Tài Lương - huyện Triệu Phong.

2.2.11. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

So với năm 2016, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng giảm 1,1 ha.

Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng biến động giảm 17,7 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,2 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 5,7 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất rừng sản xuất 3,7 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 0,2 ha (tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông tại thành phố Đông Hà để đầu giá);

+ Chuyển sang đất an ninh 0,7 ha (xây dựng trạm Cảnh sát giao thông tại xã Hải Trường - huyện Hải Lăng);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,4 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 4,3 ha (tại huyện Hướng Hóa 0,5 ha; tại huyện Gio Linh 0,2 ha; tại thành phố Đông Hà 2,5 ha; tại huyện Cam Lộ 0,5 ha; tại huyện Triệu Phong 0,7 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 2,7 ha (tại thành phố Đông Hà 2,6 ha; tại huyện Cam Lộ với diện tích không đáng kể).

Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng biến động tăng 16,6 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,2 ha (tại xã Mò Ó - huyện Đakrông);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 15,9 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,6 ha (tại thành phố Đông Hà).

2.2.12. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

So với năm 2016, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2,0 ha:

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối biến động giảm 4,1 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 3,9 ha (xây dựng đường thủy điện Đakrông 4 tại xã Ba Nang - huyện Đakrông 1,9 ha; tại huyện

Gio Linh 0,2 ha; tại huyện Hương Hóa 0,9 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,4 ha để làm đường tránh Quốc lộ 1A; tại huyện Triệu Phong 0,4 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ);

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối biến động tăng 2,0 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,2 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,3 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,2 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất cơ sở tín ngưỡng 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 1,0 ha (tại thành phố Đông Hà).

2.2.13. Đất có mặt nước chuyên dùng

So với năm 2016, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng giảm 8,7 ha:

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng biến động giảm 11,8 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 0,2 ha (tại huyện Triệu Phong);

+ Chuyển sang đất ở đô thị 0,1 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,8 ha (mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 1,1 ha; tại huyện Hương Hóa 0,1 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để làm đường tránh Quốc lộ 1A; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 9,7 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 9,6 ha do cải tạo hồ chứa nước tại thôn Tân Hiệp; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng biến động tăng 2,9 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 1,5 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,7 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,1 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất bằng chưa sử dụng 0,5 ha (tại huyện Cam Lộ).

2.2.14. Đất phi nông nghiệp khác

Tính đến ngày 31/12/2017 diện tích đất phi nông nghiệp khác là 7,7 ha, không biến động so với năm 2016.

2.3. Biến động về đất chưa sử dụng

Biến động về đất chưa sử dụng năm 2017 so với năm 2016 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 8 - Tình hình biến động về đất chưa sử dụng

TT	Mục đích sử dụng	Năm 2017		Năm 2016		So sánh diện tích tăng (+), giảm (-)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1	Đất chưa sử dụng	44.815,6	100	45290,6	100	-475,0
1.1	Đất bằng chưa sử dụng	6.773,6	15,11	6.811,9	15,04	-38,3
1.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	37.626,4	83,96	38.063,1	84,04	-436,7
1.3	Núi đá không có rừng cây	415,6	0,93	415,6	0,92	-

2.3.1. Đất bằng chưa sử dụng

So với năm 2016, diện tích đất bằng chưa sử dụng giảm 38,3 ha.

Diện tích đất bằng chưa sử dụng biến động giảm 105,4 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 2,6 ha (do cấp GCN tại xã Mò Ó 2,0 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,2 ha; tại huyện Hải Lăng 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,3 ha (tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Chuyển sang đất rừng sản xuất 5,2 ha (cấp GCN theo Nghị quyết 30A tại xã Tà Rụt, A Ngo - huyện Đakrông 1,6 ha; chuyển mục đích tại xã Gio Quang - huyện Gio Linh 0,7 ha; tại huyện Cam Lộ 2,9 ha);

+ Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha (chuyển mục đích tại huyện Gio Linh);

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 2,6 ha (phân lô tại xã Hải Thành, Hải Thọ - huyện Hải Lăng 0,4 ha; tại các xã Triệu Độ, Triệu Đại, Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Thượng, Triệu Thành - huyện Triệu Phong 0,5 ha; giao đất mới tại huyện Gio Linh 0,1 ha; chuyển mục đích tại huyện Vĩnh Linh 1,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,4 ha).

+ Chuyển sang đất ở đô thị 19,1 ha (đấu giá đất tại thị trấn KrôngKlang - huyện Đakrông 0,1 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 2,1 ha; tại thành phố Đông Hà 12,8 ha; tại huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Triệu Phong 3,0);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,9 ha (xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Gio Linh 0,3 ha; tại huyện Cam Lộ 0,9 ha; tại thành phố Đông Hà 0,7 ha);

+ Chuyển sang đất quốc phòng 0,9 ha (xây dựng thao trường bắn huyện đội Đakrông);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,0 ha (mở rộng trường tiểu học Hướng Hiệp - huyện Đakrông 0,3 ha; xây dựng trường THPT thị trấn Cửa Việt - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 34,6 ha (xây dựng nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất từ ván ép MDF/HDF tại xã Gio

Quang - huyện Gio Linh 3,7 ha; tại huyện Vĩnh Linh 2,1 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để xây dựng kho của bà Hoàng Thị Miện; tại thành phố Đông Hà 0,2 ha; tại huyện Triệu Phong 28,4 ha);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 35,5 ha (mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn 0,3 ha; tại huyện Vĩnh Linh 0,2 ha; tại huyện Cam Lộ 0,4 ha; tại thị xã Quảng Trị 3,6 ha để xây dựng khu dân cư Võ Thị Sáu; tại thành phố Đông Hà 29,6 ha; tại huyện Triệu Phong 1,3 ha);

+ Chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,0 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,5 ha (tại huyện Cam Lộ);

Diện tích đất bằng chưa sử dụng biến động tăng 67,1 ha, trong đó:

+ Nhận từ đất trồng lúa 11,0 ha (tại huyện Gio Linh 0,5 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,6 ha để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư Võ Thị Sáu; tại thành phố Đông Hà 9,9 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 3,9 ha (giải phóng mặt bằng xây dựng khu quy hoạch dân cư Võ Thị Sáu tại thị xã Quảng Trị 0,1 ha; hành lang khu vực đầu giá tại xã Gio Mỹ, Gio An 0,4 ha; tại huyện Cam Lộ 1,3 ha; tại thành phố Đông Hà 2,1 ha);

+ Nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,3 ha (tại huyện Cam Lộ 0,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,2 ha);

+ Nhận từ đất rừng sản xuất 35,6 ha (Trung tâm khoa học lâm nghiệp Bắc Trung Bộ trả lại đất cho UBND xã Cam Hiếu - huyện Cam Lộ quản lý 27,1 ha; tại thị xã Quảng Trị 8,5 ha để giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư);

+ Nhận từ đất rừng phòng hộ 0,1 ha (tại huyện Gio Linh);

+ Nhận từ đất nuôi trồng thủy sản 0,5 ha (tại thành phố Đông Hà);

+ Nhận từ đất ở nông thôn 0,8 ha (khu vực phân lô đầu giá tại xã Gio Phong nhưng chưa sử dụng, kết quả thống kê năm 2016 đã thống kê đất ở);

+ Nhận từ đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,9 ha (giải phóng mặt bằng phân lô đầu giá trụ sở UBND huyện, nhà thiếu nhi, trung tâm môi trường tại huyện Gio Linh 0,8 ha; tại huyện Cam Lộ 0,1 ha);

+ Nhận từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ 0,2 ha; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha);

+ Nhận từ đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,0 ha (tại xã Hải Thái - huyện Gio Linh 0,3 ha; tại thị xã Quảng Trị 0,2 ha để giải phóng mặt bằng khu tái định cư xã Hải Lệ; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

+ Nhận từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,7 ha (tại thành phố Đông Hà 2,6 ha; tại huyện Cam Lộ với diện tích không đáng kể);

+ Nhận từ đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,2 ha (tại huyện Cam Lộ);

+ Nhận từ đất có mặt nước chuyên dùng 9,7 ha (tại huyện Gio Linh 0,1 ha; tại huyện Cam Lộ 9,6 ha do cải tạo hồ chứa nước tại thôn Tân Hiệp; tại thành phố Đông Hà 0,1 ha).

2.3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng

So với năm 2016, diện tích đất đồi núi chưa sử dụng giảm 436,7 ha

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng biến động giảm 436,7 ha, trong đó:

+ Chuyển sang đất rừng sản xuất 402,1 ha (do cấp GCN theo Nghị quyết 30A 342,2 ha tại xã Tà Rụt, A Ngo - huyện Đakrông; tại huyện Hướng Hóa 59,9 ha do nhận lại từ công ty cổ phần Vinafor Quảng Trị);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha (mở rộng trường tiểu học Hướng Hiệp);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 18,5 ha (xây dựng công ty lương thực tại xã Hướng Sơn - huyện Hướng Hóa 18,1 ha; tại thành phố Đông Hà 0,4 ha);

+ Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 16,0 ha (tại huyện Đakrông 8,6 ha để xây dựng Bãi xử lý rác thải, đường thủy điện Đakrông 4, thủy lợi tại xã Tà Long; tại huyện Hướng Hóa 7,4 ha).

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng không có biến động tăng so với năm 2016.

2.3.3. Đất núi đá không có rừng cây

Tính đến ngày 31/12/2017 diện tích đất núi đá không có rừng cây là 415,6 ha, không biến động so với năm 2016.

3. Tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện

Toàn tỉnh Quảng Trị có 350 ha đất của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện, chi tiết ở bảng sau:

Bảng 9 - Diện tích theo đối tượng được giao đất, thuê đất chưa thực hiện

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích	Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Tổ chức kinh tế	Cơ quan đơn vị của nhà nước	Tổ chức sự nghiệp công lập
1	Nhóm đất nông nghiệp	139	2	137		
1.1	Đất S.xuất nông nghiệp	135		135		
1.1.1	Đất trồng cây h.năm					
1.1.1.1	Đất trồng lúa					
1.1.1.2	Đất trồng cây h.năm khác					

STT	Mục đích sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích	Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Tổ chức kinh tế	Cơ quan đơn vị của nhà nước	Tổ chức sự nghiệp công lập
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	135		135		
1.2	Đất lâm nghiệp	4	2	2		
1.2.1	Đất rừng sản xuất	4	2	2		
1.2.2	Đất rừng phòng hộ					
1.2.3	Đất rừng đặc dụng					
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản					
1.4	Đất làm muối					
1.5	Đất nông nghiệp khác					
2	Nhóm đất phi n.nghiệp	212	33	157	16	5
2.1	Đất ở	35	33		1	1
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	15	15			
2.1.2	Đất ở tại đô thị	20	18		1	1
2.2	Đất chuyên dùng	176		157	15	4
2.2.1	Đất x.dụng trụ sở cơ quan					
2.2.2	Đất quốc phòng	15			15	
2.2.3	Đất an ninh					
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	154		154		
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	7		3		4
2.3	Đất cơ sở tôn giáo					
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng					
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.8	Đất phi n.nghiệp khác					

Đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện chủ yếu là ở các tổ chức kinh tế với diện tích 294

ha chiếm 84,00%; hộ gia đình, cá nhân với diện tích 35 ha chiếm tỷ lệ 10,00%; cơ quan đơn vị của nhà nước với 16 ha chiếm 4,57%; tổ chức sự nghiệp công nghiệp với diện tích 5 ha chiếm tỷ lệ nhỏ 1,43%.

Các trường hợp sử dụng đất không đúng theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên theo dõi và kiểm tra. Đối với các tổ chức vi phạm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi để giao cho đơn vị khác thuê bảo đảm quỹ đất được sử dụng có hiệu quả.

4. Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, rà soát quy hoạch các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được chú trọng thực hiện. Bên cạnh đó, việc giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh cũng góp phần hoàn thành kế hoạch sử đất của tỉnh.

Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 10 - Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

STT	Tên loại đất	So sánh hiện trạng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tính của năm thống kê, kiểm kê		
		Diện tích thống kê, kiểm kê đất đai năm 2017	Diện tích theo quy hoạch/kế hoạch năm 2017	So sánh
1	Nhóm đất nông nghiệp	388.020	394.362	-6.342
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	121.520	123.357	-1.837
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	73.325	74.379	-1.054
1.1.1.1	Đất trồng lúa	28.797	26.841	1.956
1.1.1.2	Đất trồng cây h.năm khác	44.528	47.538	-3.010
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	48.195	48.978	-783
1,2	Đất lâm nghiệp	263.434	267.203	-3.769
1.2.1	Đất rừng sản xuất	119.541	134.411	-14.870
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	81.453	68.120	13.333
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	62.440	64.672	-2.232
1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.909	3.512	-603

STT	Tên loại đất	So sánh hiện trạng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tính của năm thống kê, kiểm kê		
		Diện tích thống kê, kiểm kê đất đai	Diện tích theo quy hoạch/kế hoạch	So sánh
1,4	Đất làm muối	11	11	0
1,5	Đất nông nghiệp khác	145	279	-134
2	Nhóm đất phi n.nghiệp	40.908	83.540	-42.632
2,1	Đất ở	4.308	5.398	-1.090
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	3.016	3.678	-662
2.1.2	Đất ở tại đô thị	1.292	1.720	-428
2,2	Đất chuyên dùng	18.083	44.461	-26.378
2.2.1	Đất x.dụng trụ sở cơ quan	148	266	-118
2.2.2	Đất quốc phòng	1.342	1.529	-187
2.2.3	Đất an ninh	271	376	-105
2.2.4	Đất x.dụng công trình sự nghiệp	983	19.765	-18.782
2.2.5	Đất sx, kinh doanh phi n.nghiệp	1.311	3.251	-1.940
2.2.6	Đất s.dụng vào mục đích c.cộng	14.027	19.274	-5.247
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	86	89	-3
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	381	395	-14
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	4.828	4.955	-127
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	9.550	14.117	-4.567
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	3.664	14.117	-10.453
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	8	8	0
3	Nhóm đất chưa sử dụng	44.816	32.253	12.563

Nhìn chung việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tương đối tốt và đồng đều đối với các loại đất. Mức độ dao động không lớn, phần lớn đều gần sát với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Mặc dù phần mềm TK online đã được nâng cấp và dùng ổn định hơn, tuy nhiên vẫn còn các lỗi như truy cập chậm hoặc không truy cập được, lỗi hệ thống biểu số 10... vì vậy đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm khắc phục,

nâng cấp phần mềm TK online để công tác thống kê kiểm kê được thực hiện hiệu quả hơn.

- Việc xuất các biểu từ phần mềm TK online thành định dạng Excel chưa đúng khung mẫu để in ấn, cần phải biên tập lại, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nâng cấp phần mềm để khi xuất các biểu đảm bảo đúng kích thước, khuôn dạng cần in ấn.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật bổ sung phần mềm TK offline mã đơn vị hành chính khu vực tranh chấp tại xã A Bung tỉnh Quảng Trị và xã Hồng Thủy tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện công tác thống kê kiểm kê đất đai theo quy định. Đồng thời có kiến nghị, đề xuất với Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế sớm giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp đất đai khu vực này.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có chủ trương cho gia hạn thời gian thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai đối với cấp thực hiện thống kê đất đai có thời gian thực hiện trùng dịp Tết Nguyên đán để đảm bảo chất lượng trong công tác thống kê đất đai.

- Một số chỉ tiêu quy hoạch không phù hợp với chỉ tiêu thống kê kiểm kê đất đai nên khó khăn trong việc so sánh, đánh giá. Vì vậy cần có sự thống nhất nguồn số liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giữa các ngành và các cấp để tránh sự chồng chéo và không đồng nhất.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- CT, PCT (Hà Sỹ Đồng);
- Sở TN&MT;
- VPĐKKĐ tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

- Mặc dù phần mềm TK online đã được nâng cấp và dùng ổn định hơn, tuy nhiên vẫn còn các lỗi như truy cập chậm hoặc không truy cập được, lỗi hệ thống biểu số 10... vì vậy đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm khắc phục, nâng cấp phần mềm TK online để công tác thống kê kiểm kê được thực hiện hiệu quả hơn.

- Việc xuất các biểu từ phần mềm TK online thành định dạng Excel chưa đúng khung mẫu để in ấn, cần phải biên tập lại, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nâng cấp phần mềm để khi xuất các biểu đảm bảo đúng kích thước, khuôn dạng cần in ấn.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật bổ sung phần mềm TK offline mã đơn vị hành chính khu vực tranh chấp tại xã A Bung tỉnh Quảng Trị và xã Hồng Thủy tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện công tác thống kê kiểm kê đất đai theo quy định. Đồng thời có kiến nghị, đề xuất với Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế sớm giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp đất đai khu vực này.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có chủ trương cho gia hạn thời gian thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai đối với cấp thực hiện thống kê đất đai có thời gian thực hiện trùng dịp Tết Nguyên đán để đảm bảo chất lượng trong công tác thống kê đất đai.

- Một số chỉ tiêu quy hoạch không phù hợp với chỉ tiêu thống kê kiểm kê đất đai nên khó khăn trong việc so sánh, đánh giá. Vì vậy cần có sự thống nhất nguồn số liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giữa các ngành và các cấp để tránh sự chồng chéo và không đồng nhất. lct

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- CT, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Sở TN&MT;
- VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

Biểu 01/TKĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THỐNG KÊ, KIỂM KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI
(Đến ngày 31/12/2017)

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh: Quảng Trị

Đơn vị tính diện tích: ha

STT	LOẠI ĐẤT	Ký hiệu	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Diện tích đất theo đối tượng sử dụng										Diện tích đất theo đối tượng quản lý			
				Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước (GDC)	Tổ chức trong nước (TCC)			Tổ chức nước ngoài (NNG)		Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo (CDS)	Tổng số	UBND cấp xã (UBND)	Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác (TKQ)	
						Tổ chức kinh tế (TKT)	Cơ quan đơn vị của nhà nước (TCN)	Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức khác (TKH)	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)							Tổ chức ngoại giao (TNG)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		473.744	397.812	160.832	47.343	74.653	113.067	6	721		1.191	75.932	65.964	119	9.849	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	388.042	371.429	153.368	41.265	67.100	108.266		706		723	16.614	14.829		1.785	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	121.543	121.438	99.149	6.205	10.452	4.945		587		101	105	105			
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	73.325	73.246	58.800	84	9.518	4.749				94	80	80			
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	28.797	28.736	25.820	44	2.803	66				4	61	61			
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	44.528	44.509	32.980	40	6.716	4.684				91	19	19			
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48.218	48.192	40.349	6.121	934	195		587		7	26	26			
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	263.434	246.929	52.225	34.992	55.792	103.301				620	16.505	14.720		1.785	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	119.541	112.176	52.225	22.987	30.255	6.091				620	7.365	5.580		1.785	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	81.453	72.312		12.005	25.434	34.873					9.141	9.141			
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	62.440				103	62.337									
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.909	2.906	1.884	53	851	0		116		2	3	3			
1.4	Đất làm muối	LMU	11	11													
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	145	145	100	16	6	20		4			0	0			
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	40.886	14.451	4.333	1.688	7.074	869	6	15		468	26.435	18.599	0	7.835	
2.1	Đất ở	OCT	4.308	4.307	4.303	3	2						1	1			
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.016	3.016	3.014	0	2						1	1			
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1.292	1.292	1.289	2							0	0			
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	18.050	4.776	29	1.577	2.293	855	5	15		1	13.285	9.885	0	3.399	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	148	148	0	0	147		1				0	0			
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	1.342	1.342			1.342										
2.2.3	Đất an ninh	CAN	271	271			271										
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	983	937	0	19	180	734	4			0	46	42		4	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.288	1.288	27	1.168	42	36		15			1	1		0	
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	14.027	790	2	391	312	84	1	0		1	13.238	9.843	0	3.395	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	86	86	0		0		0			86	0	0			
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	381	381	0							381	0	0			
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	4.828	4.825	0	47	4.764	14				3	3				
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9.550	11			11						9.540	6.126		3.413	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3.664	58		58							3.606	2.583		1.023	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8	8	0	3	5										
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSĐ	44.816	11.932	3.130	4.391	479	3.933					32.883	32.535	119	229	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BSD	6.774	264	63	181	5	16					6.510	6.391	119	229	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	37.626	11.669	3.067	4.210	474	3.917					25.958	25.729			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	416	0									416	416			
4	Đất có mặt nước ven biển	MVB															
4.1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT															
4.2	Đất mặt nước ven biển có rừng ngập mặn	MVR															
4.3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK															

Ngày 24 tháng 1 năm 2018
Người lập biểu
(Ký tên, đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
Nguyễn Văn An

Ngày 24 tháng 1 năm 2018
Cơ quan tài nguyên và môi trường
(Ký tên, đóng dấu)
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Văn An

Ngày 24 tháng 2 năm 2018
TM. Ủy ban nhân dân
(Chữ tịch ký tên, đóng dấu)
PHÓ CHỦ TỊCH
Hà Sỹ Đồng
Hà Sỹ Đồng

Nguyễn Thế Hiếu